TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG THÍT** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/DS-ST
Ngày: 05/5/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Thành Phước

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Kha

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Bùi Thị Kim Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Phấn– Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-DS, ngày 31 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Lê Thị T, sinh năm 1978 (có mặt)**

Địa chỉ: ấp CX, xã TP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: **Ông Trương Ngọc K, sinh năm 1987 (vắng mặt)**

Địa chỉ: ấp PT, xã NP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/9/2022 của nguyên đơn bà Lê Thị T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Vào khoảng năm 2019, bà T có chăn nuôi heo nên thường mua thức ăn với số lượng lớn của các công ty thức ăn. Ông Trương Ngọc K là tiếp thị vùng Long An, Tiền Giang của Công ty New Hope tại Đồng Tháp đến nhà bà T để chào hàng, giới thiệu sản phẩm, bà T đồng ý mua thức ăn nên từ đó bà T mới quen biết với ông K.

Một thời gian sau, ông K có nói với bà T đang hùn vốn làm ăn với trang trại khác nuôi vịt, nuôi heo nên có đề nghị bà T cho ông K mượn tiền để mua thức ăn, thời gian cho mượn tầm 10 đến 15 ngày trả lại, bà T tin tưởng ông K nên có cho ông K mượn từ tháng 8/2020 đến tháng 12/2021 với tổng số tiền là 452.860.000 đồng (Bốn trăm năm mươi hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng), ông K đã trả cho bà T được số tiền là 240.000.000 đồng, còn nợ lại là 212.860.000đồng (Hai trăm mười hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng). Cụ thể các lần ông K mượn tiền bà T như sau:

- Ngày 26/8/2020: Ông K mượn bà T số tiền 106.860.000 đồng để mua 550 bao thức ăn vịt hiệu 766 của Công ty New Hope, ông K có ký tên xác nhận nợ. Số tiền này ông K chưa trả.

- Ngày 05/7/2021: Ông K mượn bà T số tiền 150.000.000 đồng, ông K có ký tên xác nhận nợ, thời hạn vay từ ngày 05/7/2021 đến ngày 15/7/2021, số tiền này ông K đã trả cho bà T xong.

- Ngày 15/7/2021: Ông K mượn của bà T 100.000.000 đồng, ông K có ký tên xác nhận nợ, thời hạn vay từ ngày 15/7/2021 đến ngày 25/7/2021, số tiền này ông K chưa trả cho bà T.

- Ngày 19/7/2021: Ông K mượn của bà T 50.000.000 đồng, ông K có ký tên xác nhận nợ, thời hạn vay từ ngày 19/7/2021 đến ngày 29/7/2021, số tiền này ông K đã trả xong cho bà T bằng việc cấn trừ tiền thức ăn mà ông K giao cho bà T.

- Ngày 11/11/2021: Ông K mượn của bà T 40.000.000 đồng, ông K có ký tên xác nhận nợ, số tiền này ông K đã trả xong cho bà T bằng việc cấn trừ tiền thức ăn mà ông K giao cho bà T.

- Ngày 25/11/2021: Ông K mượn của bà T 20 bao thức ăn heo hiệu 617 của Công ty New Hope để ông K giao cho trang trại khác, bao thức ăn heo 617 có giá là 300.000 đồng/bao, 20 bao với tổng số tiền 6.000.000 đồng, do tin tưởng ông K nên bà T không có yêu cầu ông K ký tên xác nhận nợ, mà bà T chỉ tự ghi vào sổ, 20 bao thức ăn này ông K chưa trả, nay bà T yêu cầu ông K trả 20 bao thức ăn hiệu 617 với giá trị là 6.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền ông K chưa trả cho bà T là 212.860.000đồng (Hai trăm mười hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Bà T đã nhiều lần yêu cầu ông K trả số tiền còn nợ, nhưng ông K né tránh không trả.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trương Ngọc K có nghĩa vụ trả cho bà T tổng số tiền là 212.860.000đồng (Hai trăm mười hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng), không yêu cầu trả lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo cho bị đơn ông Trương Ngọc K biết việc thụ lý vụ án cũng như yêu cầu của nguyên đơn. Nhưng bị đơn không có văn bản trả lời, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại tất cả các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt tại

các phiên tòa, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Buộc bị đơn ông Trương Ngọc K có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lê Thị T số tiền là 206.860.000 đồng (Hai trăm lẻ sáu triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T đối với yêu cầu bị đơn ông Trương Ngọc K trả 20 bao thức ăn hiệu 617 có giá trị là 6.000.000 đồng.

+ Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Lê Thị T phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch đối với yêu cầu không được chấp nhận là 6.000.000 đồng x 5% = 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Buộc bị đơn Trương Ngọc K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 206.860.000 đồng x 5% = 10.343.000 đồng (Mười triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tranh chấp hợp đồng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã Nhơn Phú, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập tống đạt hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét, nguyên đơn bà Lê Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Trương Ngọc K có nghĩa vụ trả cho bà T tổng số tiền là 212.860.000đồng (Hai trăm mười hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

[2.1] Xét thấy, nội dung biên nhận ngày 26/8/2020 thể hiện ông K có vay bà T số tiền là 106.860.000 đồng, ông K có ký tên xác nhận nợ và nội dung hợp đồng cho vay tiền ngày 15/7/2021 thể hiện ông K vay của bà T số tiền là 100.000.000 đồng, ông K có ký tên xác nhận nợ. Tòa án đã nhiều lần thông báo

cho ông Trương Ngọc K đến Tòa án để tham dự phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham dự phiên tòa nhưng ông K đều vắng mặt không có lý do, ông K cũng không có văn bản ý kiến phản bác lại yêu cầu khởi kiện của bà T, thể hiện ông K đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Điều này cũng chứng tỏ việc ông K có vay của bà T số tiền là 206.860.000 đồng là có thật. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của bà T buộc ông K có nghĩa vụ trả số tiền 206.860.000 đồng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 463; 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên chấp nhận.

[2.2] Xét, đối với yêu cầu của nguyên đơn cho rằng ngày 25/11/2021 ông K mượn của bà T 20 bao thức ăn heo hiệu 617 của Công ty New Hope để ông K giao cho trang trại khác, bao thức ăn heo 617 có giá là 300.000 đồng/bao, 20 bao có tổng số tiền 6.000.000 đồng, yêu cầu của bà T là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, bà T không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh ông K có mượn 20 bao thức ăn của bà T, bà T cũng không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh bao thức ăn heo 617 có giá là 300.000 đồng/bao. Do đó, yêu cầu này của bà T không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên, nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc nguyên đơn bà Lê Thị T phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch đối với yêu cầu không được chấp nhận là 6.000.000 đồng x 5% = 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Buộc bị đơn ông Trương Ngọc K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 206.860.000 đồng x 5% = 10.343.000 đồng (Mười triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T.

Buộc bị đơn ông Trương Ngọc K có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lê Thị T số tiền là 206.860.000 đồng (Hai trăm lẻ sáu triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T đối với yêu cầu bị đơn ông Trương Ngọc K trả 20 bao thức ăn hiệu 617 có giá trị là 6.000.000 đồng.

3. Về án phí:

- Buộc nguyên đơn bà Lê Thị T phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch đối với yêu cầu không được chấp nhận là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), phần án phí này được khấu trừ từ 5.321.500 đồng (Năm triệu ba trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, lai số 0007374, ngày 12/10/2022. Hoàn trả lại cho nguyên đơn 5.021.500 đồng (Năm triệu không trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm đồng).

- Buộc bị đơn ông Trương Ngọc K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.343.000 đồng (Mười triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được qui định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Bích

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Hùng